

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2019
Về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ – TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phước Thị Kim Huệ
2. Bà Thạch Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chê Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Sum - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Canh Nh, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh. (đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Hứa Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

- Con chung: Cháu Hứa Thị Diễm Tr, sinh ngày 18/4/2012; cùng địa chỉ với anh Đ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2018, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 17 tháng 4 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Canh Nh trình bày và yêu cầu:

Về hôn nhân: Năm 2011 chị và anh Đ tự quen biết qua điện thoại được khoảng 01 tháng thì tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới nhau chị và anh Đ về ở nhà cha mẹ anh Đ được thời gian ngắn thì cùng đi làm thuê theo thời vụ – hái tiêu tại tỉnh Đồng Nai hết mùa tiêu thì về phụ làm công việc đồng án như: trồng mía, nuôi

tôm. Thường ngày anh Đ không say rượu thì không có chuyện gì, nhưng khi say rượu thì anh Đ cứ đánh chị, cha mẹ khuyên ngăn cũng không được do anh Đ không sợ cha mẹ. Do không chịu đựng được việc bị anh Đ nhiều lần đánh nên cách nay vài năm chị về ở nhà cha mẹ ruột tại ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian 03 năm chị với anh Đ đều có cuộc sống riêng, không người nào chủ động liên lạc để gặp nhau hàn gắn. Đến nay chị không còn thương anh Đ nữa nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh Đ cũng biết việc chị yêu cầu ly hôn và đồng ý ly hôn với chị, nhưng không chịu về, chỉ nói qua điện thoại với chị (qua số điện thoại 0369 448 266).

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung tên Hứa Thị Diễm Tr, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2012 hiện ở chung anh Đ và cháu không chịu theo chị nên chị đồng ý giao con cho anh Đ nuôi tiếp sau khi ly hôn, chị không yêu cầu nuôi con.

Về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung thì chị khai không có và không có yêu cầu gì.

Bị đơn anh Hứa Đ vắng mặt nên không có lời khai.

Tại biên bản xác minh ngày 29 tháng 3 năm 2019 đối với bà Cao Thị Â là mẹ của anh Đ cho biết, bà là mẹ của anh Đ sống chung nhà với anh Đ, bà có nhận thay cho anh Đ các văn bản tố tụng (gồm thông báo thụ lý vụ án và các thông báo, giấy triệu tập) do anh Đ đi làm không có ở nhà. Sau khi nhận bà có thông báo cho anh Đ biết nội dung (qua số điện thoại 0369 448 266), nhưng anh Đ nói do bận công việc nên không về, anh Đ nói đồng ý ly hôn theo chị Nh yêu cầu, đồng ý tiếp tục nuôi con và không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản xác minh tại thời điểm xét xử đối với cháu Hứa Thị Diễm Trg là con chung của anh Đ và chị Nh cho biết, cháu có trình bày nguyện vọng yêu cầu được ở với anh Đ sau khi chị Nha và anh Đ ly hôn với nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 3 năm 2019 đối với ông Trì Minh H là đại diện chính quyền địa phương ấp B, xã T cho biết, ở địa bà anh Đ và chị Nh thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nhưng ông không biết nguyên nhân từ việc gì, vì không từng báo chính quyền địa phương giải quyết. Cách nay khoảng 05 năm thì chị Nha bỏ về quê nhà ở huyện N sống cho đến nay để lại con chung là cháu Tr cho anh Đ nuôi dưỡng chăm sóc tốt.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn thì vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ bằng cách thân thích nhận thay.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo lời khai của nguyên đơn cho thấy năm 2011 chị Nhà và anh Đ tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Thọ theo quy định của pháp luật. Nhưng thời gian sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng nên hai người ly thân đến nay đã được nhiều năm, nhận thấy mối quan hệ vợ chồng không còn, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không có kết quả. Về con chung là cháu Hứa Thị Diễm Tr đến ngày xét xử đã đủ 07 tuổi và yêu cầu của cháu là muốn ở với anh Đ, anh Đ cũng đồng ý nuôi con và không yêu chị Nhà cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung thì chị Nhà khai không có. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: chấp nhận yêu cầu của chị Nhà được ly hôn với anh Đ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung thì đề nghị không giải quyết vì đương sự không ai yêu cầu.

Về án phí: đề nghị miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm cho nguyên đơn theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét về việc thụ lý và quá trình giải quyết của Tòa án, vụ án được thụ lý và giải quyết đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, quan hệ pháp luật tranh chấp tại khoản 1 Điều 28, xác định tư cách đương sự tại Điều 68, xác minh thu thập chứng cứ tại Điều 97 và thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 203.

[2] Xét về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự làm việc và thông báo về kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự vào ngày 09 tháng 01 năm 2019, ngày 29 tháng 3 năm 2019, có thông báo về kết quả phiên họp; triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 17 tháng 4 năm 2019, ngày 16 tháng 5 năm 2019. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện trực tiếp cho cá nhân theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự do bà Cao Thị Á là mẹ của anh Đ nhận thay và cam kết giao lại các văn bản tố tụng cho anh Đ. Nhận thấy anh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng cố tình vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nhà thì có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự có cơ sở xét xử vắng mặt chị Nhà và anh Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nhà về hôn nhân, nhận thấy hôn nhân của chị Nhà với anh Đ là hợp pháp, thể hiện qua trích lục kết hôn số 769/2018/TLKH-B, ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh. Qua tài liệu chứng cứ, lời khai của đương sự cho thấy từ năm 2013 hôn nhân của chị Nhà và anh Đ xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể ở chung tiếp nên chị Nhà chuyển đi ở tại ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh cho đến nay, từ đó hai người không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị Nhà kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, không mong muốn đoàn tụ. Điều này phù hợp với lời khai xác minh của chính quyền địa phương. Đối với anh Đ mặc dù có biết việc chị Nhà yêu cầu ly hôn nhưng cố tình vắng mặt và không có văn bản phản đối

hoặc có văn bản trình bày ý kiến yêu cầu của mình. Như vậy với phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh về việc ly hôn với anh Đ.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, chị Nh khai có 01 con chung với anh Đ tên Hứa Thị Diễm Tr. Căn cứ trích lục khai sinh số 549/TLKS-BS ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện cháu Tr sinh ngày 18 tháng 4 năm 2012, cho thấy đến thời điểm xét xử cháu Tr đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng yêu cầu được ở với anh Đ, anh Đ vắng mặt nhưng không có văn bản phản đối.

Do đó căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu Tr và xem xét nguyện vọng cháu có cơ sở giao cháu Tr cho anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tiếp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh Đ vắng mặt và không có văn bản đưa ra yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Xét về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, chị Nh khai xác nhận không có và anh Đ không có văn bản phản đối nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; nhưng do chị Nh là dân tộc Khmer ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh) được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí khi nộp đơn khởi kiện và miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

[6] Về quyền kháng cáo, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Canh Nha.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Canh Nh ly hôn với anh Hứa Đ.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung, giao cháu Hứa Thị Diễm Tr, sinh

ngày 18 tháng 4 năm 2012 cho anh Hứa Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đồng thời theo nguyện vọng của Hứa Thị Diễm Tr cũng yêu cầu được ở chung với anh Hứa Đ.

Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho chị Thạch Thị Canh Nh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, gửi bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Kim Thị Hồng Nga**